

Số HĐ:

--	--	--	--	--	--	--	--

**HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ THOẠI
TRÊN MẠNG VIỄN THÔNG CỐ ĐỊNH MẶT ĐẤT¹**

Căn cứ Luật Viễn thông số 24/2023/QH15 ngày 24/11/2023; Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024; Luật Bảo vệ Quyền lợi người tiêu dùng số 19/2023/QH15 ngày 20/6/2023; Nghị định số 55/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; Luật giao dịch điện tử số 20/2023/QH15 ngày 22/6/2023; Nghị định 137/2024/NĐ-CP ngày 23/10/2024 quy định về giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước và hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử; Nghị định 13/2023/NĐ-CP ngày 17/4/2023; Nghị định 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013; Nghị định 85/2021/NĐ-CP ngày 25/9/2021; Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2013 về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, và các văn bản pháp luật có liên quan khác được điều chỉnh, bổ sung tùy từng thời kỳ.

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ THOẠI TRÊN MẠNG VIỄN THÔNG CỐ ĐỊNH MẶT ĐẤT này (“**Hợp đồng**”) được lập vào ngày² (“**Ngày hiệu lực**”), bởi và giữa³:

Bên sử dụng dịch vụ⁴ (Bên A)⁵:	<Tên Tổ chức>	
Người đại diện:	<họ tên>	
Chức vụ:		
Theo giấy ủy quyền số (nếu có):		
Địa chỉ:		
Mã số thuế:		
Điện thoại:		
Tài khoản số:		Mở tại:
Dại diện liên hệ:		
- Họ tên:		
- Email:		
- SĐT:		

¹ Việc sử dụng hợp đồng theo mẫu này để giao kết với người tiêu dùng chỉ được thực hiện sau khi FTI đã hoàn thành và đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật.

² Hướng dẫn điền thông tin:

- Nếu ký tươi: điền theo định dạng ngày/tháng/năm.
- Nếu ký điện tử: điền “ký” để ghi nhận Ngày hiệu lực là ngày ký điện tử.

³ Ngoài các phần thông tin riêng của các Bên do mỗi Bên tự điền, các nội dung để trống khác trong Hợp đồng/phụ lục/biểu mẫu sẽ do hai Bên thỏa thuận điền cụ thể khi ký kết Hợp đồng/phụ lục/biểu mẫu trên cơ sở phù hợp quy định pháp luật.

⁴ Áp dụng đối với Bên sử dụng dịch vụ là người tiêu dùng theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

⁵ Tên, địa chỉ, số điện thoại, phương thức liên lạc khác (nếu có) là nội dung bắt buộc điền khi ký kết với khách hàng cá nhân.

<Dành cho cá nhân>		
Bên sử dụng dịch vụ (Bên A):	<họ tên>	
Địa chỉ:		
Mã số định danh cá nhân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu (đối với KH nước ngoài)		
Đại diện liên hệ (nếu có):	- Họ tên: <Thông tin của cá nhân sử dụng Dịch vụ> - Email (nếu có) ⁶ : - SĐT:	
Bên cung cấp dịch vụ (Bên B):	<CÔNG TY TNHH MTV VIỄN THÔNG QUỐC TẾ FPT>	
Người đại diện:		
Chức vụ:		
Theo giấy ủy quyền số (nếu có):		
Mã số thuế:	<0305793402>	
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:	<0305793402>	Cấp ngày: 22/5/2008
		Bởi: Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. HCM
Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông số:	330/GP-CVT	Cấp ngày: 15/8/2023
		Bởi: Cục Viễn thông
Địa chỉ:		
Điện thoại:		Website:
Tài khoản số:		Mở tại:

(Bên A và Bên B sau đây được gọi chung là “các Bên”, “hai Bên” và được gọi riêng là “Bên”)

Hai Bên thỏa thuận ký kết Hợp đồng với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: DỊCH VỤ CUNG CẤP

Bên B cung cấp dịch vụ điện thoại trên nền tảng IP cho Bên A chi tiết như sau:

1.1. Loại Dịch vụ cung cấp:

- 1.1.1. Dịch vụ thoại trên mạng viễn thông cố định mặt đất: là dịch vụ thông tin liên lạc bằng mạng điện thoại cố định được thiết lập trong phạm vi địa giới hành chính của một Tỉnh/Thành phố, hoặc giữa các Tỉnh/Thành phố, hoặc các nước với nhau (sau đây được gọi là “**Dịch vụ**”).
- 1.1.2. Các dịch vụ giá trị gia tăng đi kèm theo quy định pháp luật: Không có.

1.2. Địa chỉ lắp đặt: được nêu chi tiết trong Phụ lục Hợp đồng.

1.3. Chất lượng Dịch vụ:

- Tuân theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 35:2019/BTTTT về chất lượng dịch vụ điện thoại trên mạng viễn thông cố định mặt đất ban hành kèm theo Thông tư số 07/2019/TT-BTTTT ngày 16 tháng 08 năm 2019.

ĐIỀU 2: GIÁ CƯỚC VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1. Cước Dịch vụ:

⁶ Lược bỏ nếu người tiêu dùng không đồng ý cung cấp.

- 2.1.1. Cước Dịch vụ hàng tháng bao gồm: Phí thuê bao cố định, Cước cuộc gọi, Phí chọn số đẹp, Cước dịch vụ gia tăng (nếu có) được nêu trong Phụ lục.
- 2.1.2. Phí thuê bao cố định là khoản tiền cố định hàng tháng sử dụng, trừ trường hợp có thay đổi Phí thuê bao theo **Điều 2.3** bên dưới.
- 2.1.3. Cước cuộc gọi được tính theo đơn giá VND/phút theo quy định tại **Điều 3.3** Phụ lục và sẽ phát sinh phụ thuộc vào lưu lượng cuộc gọi phát sinh trong quá trình sử dụng Dịch vụ.
- 2.1.4. Cước dịch vụ gia tăng, Phí chọn số đẹp sẽ được quy định tại chi tiết tại Phụ lục khi Bên A có sử dụng dịch vụ gia tăng, chọn số đẹp.

<Điều 2.2 dưới đây áp dụng đối với phương thức thanh toán trả sau>⁷

2.2. Thông báo cước Dịch vụ và thời hạn thanh toán:

- a. Chậm nhất đến ngày 10 (mười) mỗi tháng Dương lịch (Tháng T), Bên B sẽ gửi cho Bên A thông báo cước cho khoản cước phí sử dụng Dịch vụ phát sinh trong Kỳ sử dụng liền trước (Tháng T-1), bằng thư điện tử tới địa chỉ email đại diện liên hệ về thanh toán của Bên A và/hoặc bằng văn bản đến địa chỉ của Bên A nêu tại phần đầu Hợp đồng. Đối với hóa đơn điện tử, Bên B sẽ cung cấp tài khoản và mật khẩu (tới địa chỉ email đại diện liên hệ về thanh toán của Bên A) phục vụ truy cập website <https://onmember.fpt.vn/> để Bên A tải về hóa đơn.
- b. Trường hợp đến hết ngày 10 (mười) của tháng Dương lịch (Tháng T) mà Bên A vẫn chưa nhận được (hoặc không truy cập được) bất kỳ hình thức thông báo cước nào nêu trên, thì Bên A sẽ liên hệ với Bên B để yêu cầu.
- c. Bên A có trách nhiệm thanh toán các khoản cước Dịch vụ phát sinh trong tháng cho Bên B chậm nhất đến hết ngày 20 (hai mươi) của tháng Dương lịch nhận thông báo cước.

<Điều 2.2 dưới đây áp dụng đối với phương thức thanh toán trả trước theo Hạn Mức>

2.2. Phương thức thanh toán:

- 2.2.1. Bên A thanh toán trước cho Bên B một giá trị sử dụng Dịch vụ được ấn định ("**Hạn Mức**") nêu tại từng Phụ lục trong vòng 07 ngày kể từ ngày Bên B khởi tạo đầu số.
- 2.2.2. Bên A truy cập trang <https://onmember.fpt.vn/> để tải về hóa đơn. Trường hợp cần điều chỉnh hóa đơn, các Bên sẽ thực hiện theo quy định pháp luật và ký kết biên bản điều chỉnh hóa đơn.
- 2.2.3. Giá trị Hạn Mức sẽ được Bên B khấu trừ để thanh toán cho toàn bộ Phí thuê bao cố định hàng tháng, Cước cuộc gọi mà Bên A sử dụng và các khoản cước, phí khác mà Bên A phải thanh toán cho Bên B theo Hợp đồng và Phụ lục.
- 2.2.4. Chi tiết các Gói Hạn Mức, mức cảnh báo và điều chỉnh Hạn Mức được quy định tại Phụ lục đính kèm.

2.3. Thay đổi giá cước Dịch vụ:

- 2.3.1. Cước Dịch vụ quy định tại Phụ lục đính kèm Hợp đồng này. Trường hợp có thay đổi về giá cước Dịch vụ trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Bên B phải thông báo bằng văn bản hoặc thư điện tử cho Bên A trước ít nhất 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày áp dụng, trừ trường hợp các Bên có thỏa thuận khác.
- 2.3.2. Trường hợp Bên A không đồng ý với giá cước mới, Bên A có quyền (i) đơn phương chấm dứt sử dụng Dịch vụ, bằng cách gửi văn bản cho Bên B tối thiểu 03 (ba) ngày làm việc trước ngày dự kiến chấm dứt, hoặc (ii) sử dụng Dịch Vụ cho đến thời điểm giá cước cũ chấm dứt hiệu lực theo chính sách được Bên B thông báo.

2.4. Lãi do chậm thanh toán:

⁷ Lựa chọn một trong hai phương thức và xóa bỏ phương thức còn lại.

Bên A có trách nhiệm thanh toán cước phí và các khoản phạt, bồi thường theo Hợp đồng này đầy đủ, đúng hạn cho Bên B. Trường hợp Bên A chậm thanh toán cước phí hoặc bất kỳ khoản tiền nào khác theo Hợp đồng cho Bên B thì ngoài việc phải thanh toán đầy đủ số tiền nợ gốc, Bên A phải thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán ở mức 0.05% số tiền chậm thanh toán cho mỗi ngày chậm thanh toán. Lãi do chậm thanh toán sẽ được cộng dồn kể từ ngày đến hạn thanh toán cho đến ngày Bên A thanh toán toàn bộ dư nợ cho Bên B và được Bên A thanh toán cùng với khoản dư nợ gốc.

- 2.5. **Hình thức thanh toán:** Chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng của Bên B nêu tại phần đầu của Hợp đồng.
- 2.6. Thuế suất, thuế giá trị gia tăng (VAT) đối với Dịch vụ được thể hiện tại Phụ lục là thuế suất tạm tính tại thời điểm ký Hợp đồng, Phụ lục. Tại thời điểm Bên B cung cấp Dịch vụ hoặc xuất hoá đơn cho Bên A, nếu thuế suất, thuế VAT của Dịch vụ được điều chỉnh theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, quy định pháp luật (“Thuế suất mới”) thì (i) thuế suất, thuế VAT quy định tại Hợp đồng, Phụ lục sẽ được tự động điều chỉnh theo Thuế suất mới và theo đó (ii) cước phí Dịch vụ, giá trị trên hoá đơn được tự động điều chỉnh dựa trên Thuế suất mới.

ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

3.1. Quyền của Bên A:

- 3.1.1 Được đảm bảo sử dụng (các) Dịch vụ tại **Điều 1** theo đúng tiêu chuẩn chất lượng và giá cước do hai Bên thỏa thuận trên cơ sở các quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- 3.1.2 Được sử dụng Dịch vụ theo chất lượng và giá cước quy định tại Hợp đồng.
- 3.1.3 Được quyền yêu cầu Bên B cung cấp thông tin liên quan đến việc sử dụng Dịch vụ, được giải thích, hướng dẫn về cách sử dụng Dịch vụ, thiết bị (nếu có) do Bên B cung cấp.
- 3.1.4 Được thay đổi địa chỉ sử dụng hoặc đổi số thuê bao đang sử dụng khi cần thiết, trong khả năng thực hiện của Bên B.
- 3.1.5 Được ủy quyền hoặc chuyển quyền sử dụng Dịch vụ cho người khác nhưng phải thông báo trước cho Bên B ít nhất 30 (ba mươi) ngày và phải được sự chấp nhận của Bên B.
- 3.1.6 Được quyền khiếu nại về giá cước hoặc chất lượng Dịch vụ hay các vi phạm khác của Bên B theo quy định của pháp luật về viễn thông và các quy định pháp luật khác có liên quan.
- 3.1.7 Được quyền đảm bảo bí mật các thông tin riêng được ghi trong Hợp đồng này và các thông tin liên quan đến việc sử dụng Dịch vụ, trừ trường hợp Bên A tự tiết lộ thông tin và/hoặc theo quy định của pháp luật.
- 3.1.8 Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

3.2. Nghĩa vụ của Bên A:

- 3.2.1 Tuân thủ các quy định pháp luật về phòng chống cuộc gọi rác tại Nghị định 91/2020/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung từng thời điểm; thực hiện đúng các quy định về sử dụng Dịch vụ theo hướng dẫn của Bên B (nếu có).
- 3.2.2 Không sử dụng đường truyền điện thoại cố định trên nền tảng IP và các Dịch vụ đã được Bên B cung cấp để cung cấp lại cho bên thứ ba mà chưa có sự chấp nhận bằng văn bản của Bên B.
- 3.2.3 Không được tự ý thay đổi địa chỉ lắp đặt thiết bị và số điện thoại sử dụng Dịch vụ khi chưa có văn bản chấp thuận của Bên B.
- 3.2.4 Không được sử dụng cơ sở hạ tầng viễn thông của Bên B, sử dụng Dịch vụ để kinh doanh dịch vụ viễn thông.
- 3.2.5 Thanh toán cước Dịch vụ và các khoản cước, phí theo Hợp đồng đầy đủ và đúng hạn. Thanh toán mọi khoản cước phí phát sinh từ thuê bao, Dịch vụ Bên A sử dụng, trừ trường hợp cước phát sinh do Bên B vi phạm Hợp đồng.

- 3.2.6 Nếu làm hư hỏng hoặc mất thiết bị đầu cuối Bên A thuê của Bên B thì thanh toán cho Bên B khoản bồi thường tương ứng với giá trị thiệt hại thực tế đã gây ra cùng lúc với thanh toán cước Dịch vụ gần nhất.
- 3.2.7 Thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ còn lại cho Bên B khi chấm dứt Hợp đồng hoặc khi có vi phạm mà Bên B phải đơn phương chấm dứt Hợp đồng theo quy định của pháp luật và thỏa thuận tại Hợp đồng này.
- 3.2.8 Liên hệ ngay với Bên B khi có nhu cầu tạm ngưng, chấm dứt Hợp đồng, thay đổi địa chỉ, thay đổi số điện thoại, ủy quyền, chuyển quyền sử dụng, hoặc thay đổi thiết bị đầu cuối... để được hỗ trợ và phối hợp theo quy định Hợp đồng này.
- 3.2.9 Trường hợp xảy ra khiếu nại, cung cấp các thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung khiếu nại phù hợp với quy định của pháp luật.
- 3.2.10 Chịu trách nhiệm bảo mật tên truy cập và mật khẩu của tài khoản người dùng để tra cứu cước trực tuyến cũng như các thông tin bảo mật kỹ thuật khác do Bên B cung cấp.
- 3.2.11 Sử dụng Dịch vụ đúng mục đích đã đăng ký trong Phụ lục cung cấp dịch vụ điện thoại cố định đính kèm Hợp đồng. Chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với việc sử dụng Dịch vụ theo mục đích đã cam kết tại phụ lục tương ứng.
- 3.2.12 Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Bên B đối với nội dung, thông tin truyền, đưa, lưu trữ khi sử dụng Dịch vụ và việc sử dụng Dịch vụ do Bên B cung cấp, đảm bảo Dịch vụ của Bên B không được sử dụng vào những mục đích trái pháp luật, trái đạo đức, trái thuần phong mỹ tục.
- 3.2.13 Cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin sử dụng Dịch vụ, thông tin của Bên A, người sử dụng Dịch vụ theo Hợp đồng này phù hợp với quy định của pháp luật.
- 3.2.14 Bảo mật và đảm bảo chất lượng cho hệ thống, tổng đài, phần mềm, thiết bị, dịch vụ khác do Bên A quản trị, quản lý để phục vụ việc sử dụng Dịch vụ theo Hợp đồng này ("**Hệ Thống Của Bên A**").
- 3.2.15 Chịu trách nhiệm đảm bảo Hệ Thống Của Bên A tích hợp trên Dịch vụ tương thích với Dịch vụ. Bên A tự chịu trách nhiệm trong trường hợp Dịch vụ xảy ra sự cố, gián đoạn do lỗi Hệ Thống Của Bên A.
- 3.2.16 Trường hợp Dịch vụ phát sinh sự cố do lỗi của Bên A, Bên A chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ cước phát sinh bất thường và bồi thường cho Bên B theo quy định của pháp luật (nếu có).
- 3.2.17 Bồi thường thiệt hại trực tiếp do lỗi của Bên A gây ra cho Bên B và/hoặc đại lý dịch vụ viễn thông.
- 3.2.18 Tuân thủ các chính sách bảo vệ dữ liệu cá nhân theo chính sách bảo vệ dữ liệu cá nhân được Bên B soạn thảo phù hợp với quy định pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, được Bên B đăng tải công khai trên website của Bên B: <https://fti.fpt.vn/chinh-sach-bao-ve-du-lieu-ca-nhan/> và được Bên B cung cấp cho Bên A trước khi ký kết Hợp đồng.

ĐIỀU 4: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

4.1. Quyền của Bên B:

- 4.1.1 Được quyền yêu cầu Bên A cung cấp thông tin cần thiết liên quan đến việc cung cấp Dịch vụ ghi trong Hợp đồng.
- 4.1.2 Trong quá trình giao kết và thực hiện Hợp đồng, Bên B chỉ được thu thập các thông tin của Bên A bao gồm: tên, địa chỉ, số điện thoại để đưa vào Danh bạ điện thoại công cộng khi Bên A đồng ý.

Bên A thể hiện sự đồng ý hoặc không đồng ý của mình bằng cách tích chọn dưới đây:

☐ Đồng ý cho Bên B thu thập tên, địa chỉ, số điện thoại của Bên A để đưa vào Danh bạ điện thoại công cộng.

☐ Không đồng ý

4.1.3 Theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền và/hoặc theo quy định của pháp luật, Bên B được quyền ngắt kết nối và các biện pháp ngăn chặn khác mà pháp luật cho phép (“**Biện pháp Ngăn chặn**”) đối với Dịch vụ, nếu Bên A có hành vi sử dụng Dịch vụ nhằm mục đích vi phạm pháp luật, xâm hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của bên thứ ba.

4.1.4 Được quyền yêu cầu Bên A thanh toán đầy đủ, đúng hạn giá trị Hạn Mức, Cước Dịch vụ nêu tại **Điều 2.1, 2.2** Hợp đồng này.

4.2. Nghĩa vụ của Bên B:

4.2.1 Hoàn thành việc xây dựng Dịch vụ theo quy định tại Hợp đồng. Đảm bảo chất lượng Dịch vụ theo cam kết tại Hợp đồng.

4.2.2 Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin của Bên A theo quy định của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và quy định khác của pháp luật có liên quan. Bên B chỉ được sử dụng thông tin của Bên A để phục vụ trực tiếp cho việc thực hiện nghĩa vụ Hợp đồng. Việc thu thập, sử dụng thông tin của Bên A (bao gồm cả chia sẻ, tiết lộ và chuyển giao thông tin của Bên A cho bên thứ ba) trong các trường hợp khác phải được Bên A đồng ý theo các quy định cụ thể tại Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và/hoặc quy định pháp luật khác có liên quan.

4.2.3 Hỗ trợ và phối hợp để Bên A thực hiện các quyền: tạm ngưng, chấm dứt Hợp đồng, thay đổi địa chỉ, thay đổi số điện thoại, ủy quyền, chuyển quyền sử dụng, hoặc thay đổi thiết bị đầu cuối.

4.2.4 Tiếp nhận kịp thời các khiếu nại của Bên A liên quan đến cước phí Dịch vụ, vấn đề cung cấp và sử dụng Dịch vụ trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được khiếu nại hoặc thời hạn khác theo quy định của pháp luật.

4.2.5 Cung cấp cho Bên A hoá đơn tài chính để Bên A thanh toán đầy đủ cước phí theo đúng nội dung của Hợp đồng.

4.2.6 Trường hợp xảy ra sự cố kỹ thuật do lỗi của Bên B, đội ngũ kỹ thuật của Bên B sẽ hỗ trợ xử lý sự cố trong vòng 03 ngày làm việc, trừ trường hợp sự cố lớn hoặc phức tạp thì thời gian xử lý có thể dài hơn.

4.2.7 Bên B sẽ không chịu trách nhiệm đối với các trường hợp Dịch vụ phát sinh sự cố không do lỗi của Bên B bao gồm: Bên A sử dụng Dịch vụ sai mục đích, tự ý đầu nối/dịch chuyển vị trí lắp đặt, thực hiện hành vi gian lận cước...

4.2.8 Bên B phải kiểm tra chất lượng Dịch vụ mà mình cung cấp, và đảm bảo chất lượng Dịch vụ cung cấp cho Bên A theo đúng chất lượng quy định tại Hợp đồng này.

4.2.9 Trường hợp Bên B chậm triển khai Dịch vụ, Bên B chịu phạt 0.05%/ngày/giá trị Dịch vụ chậm triển khai nhưng tổng mức phạt không quá 8% giá trị Dịch vụ triển khai chậm.

4.2.10 Trường hợp Dịch vụ phát sinh sự cố do lỗi của Bên B, Bên B chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại thực tế, trực tiếp cho Bên A theo quy định của pháp luật (nếu có).

ĐIỀU 5: BẤT KHẢ KHÁNG

5.1. Sự Kiện Bất Khả Kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, bao gồm: bùng nổ chiến tranh; sự thay đổi của pháp luật và chính sách của Nhà nước Việt Nam; lũ lụt, động đất, lốc xoáy, sóng thần, bão, các thiên tai khác; và các sự kiện sau khi xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép: đình công, bãi công, cháy nổ, đứt cáp quang, gián đoạn liên lạc do các nhà mạng viễn thông; gián đoạn Dịch vụ do ảnh hưởng từ Dịch vụ khác được cung cấp bởi nhà cung cấp khác của Bên A. Một Bên sẽ không

chịu trách nhiệm cho bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại gì của Bên còn lại phát sinh từ việc không thực hiện bất cứ nghĩa vụ nào của Bên đó theo Hợp đồng nếu việc không thực hiện nghĩa vụ là kết quả của Sự Kiện Bất Khả Kháng.

- 5.2. Bên bị ảnh hưởng bởi Sự Kiện Bất Khả Kháng có nghĩa vụ thông báo, giải thích về sự thay đổi điều kiện sử dụng Dịch vụ hoặc bị gián đoạn các thông tin do nguyên nhân Bất Khả Kháng bằng các hình thức như email, điện thoại, văn bản.
- 5.3. Khi Sự Kiện Bất Khả Kháng chấm dứt, các Bên sẽ tiếp tục thực hiện Hợp đồng nếu việc tiếp tục thực hiện Hợp đồng là có thể được.
- 5.4. Nếu Sự Kiện Bất Khả Kháng không thể chấm dứt trong vòng 40 (bốn mươi) ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện, thì một Bên bất kỳ có thể thông báo bằng văn bản trước 10 (mười) ngày trước ngày dự kiến chấm dứt cho Bên còn lại để chấm dứt phần Hợp đồng bị ảnh hưởng.
- 5.5. **Thông tin liên hệ hỗ trợ:**

Hỗ trợ kỹ thuật: Hotline: 1900 6973 Email: FTI.Support@fpt.com Địa chỉ: Tòa nhà FPT, lô L.29B-31B-33B Đường Tân Thuận, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh	Trung tâm dịch vụ khách hàng: Website: https://fti.fpt.vn/ <dùng cho KH phía Nam> - SĐT: (028) 7300 2222 (Ext: 89018, 89038, 89160) - Email: ftel.fti.cs@fpt.com <dùng cho KH phía Bắc> - SĐT: (024) 7300 2222 (Ext: 49180, 4917, 49176, 4984, 49222, 49012) - Email: ftel.ftihn.cs@fpt.com
---	---

ĐIỀU 6: TẠM NGỪNG DỊCH VỤ VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

6.1. Tạm ngưng Dịch vụ:

- 6.1.1. Bên B được quyền đơn phương tạm ngưng một phần hoặc toàn bộ Dịch vụ mà không phải báo trước cho Bên A trong trường hợp:
- Bên A sử dụng hết Hạn Mức theo quy định tại Phụ lục, chậm thanh toán hoặc không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán cước hoặc phạt vi phạm, bồi thường (nếu có) cho Bên B theo quy định tại Hợp đồng, Phụ lục.
 - Bên A tiếp tục sử dụng thiết bị đầu cuối thuê bao không đúng chuẩn, quy cách sử dụng khi đã được Bên B thông báo.
 - Bên A kinh doanh lại đường dây điện thoại và/hoặc các Dịch vụ do Bên B cung cấp khi chưa được sự đồng ý bằng văn bản của Bên B.
 - Bên A tự ý chuyển quyền sử dụng Dịch vụ mà không có sự đồng ý bằng văn bản của hai Bên.
 - Bên A vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Nhà mạng, bao gồm:
 - Có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và quyết định, yêu cầu của nhà mạng viễn thông. Bên B sẽ thực hiện theo thời gian được yêu cầu và sẽ gửi thông báo cho Bên A chậm nhất 01 (một) ngày làm việc sau đó, trừ trường hợp không được phép thông báo theo yêu cầu của cơ quan nhà nước hoặc theo quy định pháp luật.
 - Bên A vi phạm quy định về chống cuộc gọi rác hoặc nội dung các cuộc gọi của Bên A vi phạm pháp luật, trái đạo đức xã hội, có yếu tố lừa đảo, kỳ thị dân tộc, phân biệt chủng tộc, xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo, có tính chất kích thích bạo lực.

(iii) Các quy định pháp luật Việt Nam có liên quan tới hoạt động cung cấp, sử dụng Dịch Vụ có hiệu lực tại từng thời điểm.

- f. Dịch vụ phát sinh sự cố và có nguy cơ hoặc đã gây ảnh hưởng, thiệt hại cho Bên A.
- g. Bên B có căn cứ chứng minh Bên A vi phạm pháp luật và/hoặc đang bị điều tra, khởi tố, xét xử về hành vi vi phạm pháp luật và/hoặc có căn cứ chứng minh Bên A sử dụng Dịch vụ để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.
- h. Bên B được quyền tạm ngưng cung cấp một phần hoặc toàn bộ Dịch vụ tại bất kỳ thời điểm nào trong trường hợp sửa chữa, bảo trì hoặc các trường hợp khác phải tạm ngưng cung cấp Dịch vụ bằng cách thông báo cho Bên A trước ít nhất 03 ngày làm việc trước ngày tạm ngưng Dịch vụ, trừ trường hợp bất khả kháng.

6.1.2. Bên A được tạm ngưng một phần hoặc toàn bộ Dịch vụ đang sử dụng khi có yêu cầu bằng văn bản được gửi trước 03 (ba) ngày làm việc cho Bên B. Trong trường hợp này, tổng thời gian của các lần tạm ngưng Dịch vụ mà Bên A đề nghị không được quá 30 (ba mươi) ngày.

6.2. Một phần hoặc toàn bộ Hợp đồng sẽ chấm dứt trong các trường hợp sau:

6.2.1. Theo thỏa thuận của hai Bên bằng văn bản.

6.2.2. Do một Bên vi phạm quy định tại Hợp đồng này và/hoặc có hành vi vi phạm pháp luật mà không khắc phục được trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày Bên còn lại thông báo về vi phạm đó cho Bên vi phạm và yêu cầu Bên vi phạm khắc phục, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

6.2.3. Bên B có căn cứ chứng minh Bên A mất khả năng thanh toán và/hoặc đang làm thủ tục giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành, Bên B sẽ gửi thông báo tạm ngưng cung cấp Dịch vụ cho Bên A, việc tạm ngưng diễn ra quá 15 (mười lăm) ngày (cộng dồn), Bên B có quyền gửi thông báo chấm dứt Hợp đồng cho Bên A.

6.2.4. Bên A đã bị giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành.

6.2.5. Bên B ngừng kinh doanh Dịch vụ. Trong trường hợp này, Bên B sẽ gửi cho Bên A một thông báo bằng văn bản/quia email tối thiểu 30 (ba mươi) ngày trước khi chính thức ngừng kinh doanh Dịch vụ và hoàn trả cho Bên A khoản thanh toán trước nhưng chưa sử dụng hết (nếu có) sau khi đã khấu trừ các phần nghĩa vụ của Bên A theo quy định Hợp đồng, pháp luật.

6.2.6. Sự Kiện Bất Khả Kháng theo quy định tại **Điều 5**.

6.2.7. Các trường hợp khác theo quy định Hợp đồng và do pháp luật quy định. Trách nhiệm của mỗi Bên được áp dụng theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Các Bên vẫn phải tiếp tục thực hiện các trách nhiệm phát sinh từ Hợp đồng và Phụ lục đính kèm (nếu có) trước thời điểm tạm ngưng và/hoặc chấm dứt Hợp đồng.

6.3. Nghĩa vụ khi chấm dứt Hợp đồng:

6.3.1. Bên A phải thanh toán cho Bên B toàn bộ các khoản cước phí chưa thanh toán đến thời điểm chấm dứt Hợp đồng, các khoản phạt và bồi thường (nếu có) theo quy định của Hợp đồng và pháp luật hiện hành. Đồng thời, Bên A phải thực hiện bàn giao thiết bị cho Bên B và ký biên bản bàn giao thu hồi thiết bị (nếu Bên A có thuê/mượn thiết bị do Bên B cung cấp) trong thời hạn từ thời điểm chấm dứt đến chậm nhất 05 (năm) ngày làm việc sau đó. Để làm rõ, Bên B có quyền cản trở vào Hạn Mức mà Bên A đã thanh toán các khoản phạt, bồi thường, cước phí mà Bên A phải trả theo Hợp đồng, Phụ lục. Trường hợp giá trị Hạn Mức không đủ để thanh toán cho các chi phí mà Bên A phải trả theo Hợp đồng, Phụ lục, Bên A phải thanh toán cho Bên B các khoản phạt, bồi thường, chi phí thực tế phát sinh (nếu có) trong vòng 07 (bảy) ngày kể từ ngày một phần hoặc toàn bộ Hợp đồng bị chấm dứt.

6.3.2. Bên B sẽ (i) hoàn trả cho Bên A các khoản tiền mà Bên A đã thanh toán trước nhưng chưa sử dụng hết (nếu có) sau khi đã khấu trừ các phần nghĩa vụ của Bên A theo quy định Hợp đồng,

pháp luật và sẽ (ii) thanh toán cho Bên A các khoản phạt, bồi thường (nếu có) theo quy định của Hợp đồng và pháp luật hiện hành.

ĐIỀU 7: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 7.1** Hợp đồng có hiệu lực kể từ Ngày hiệu lực nêu tại phần đầu Hợp đồng và được diễn giải theo pháp luật Việt Nam.
- 7.2** Trừ trường hợp Hợp đồng có áp dụng mức phạt khác hoặc do Sự Kiện Bất Khả Kháng, một Bên vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào theo Hợp đồng sẽ chịu phạt 8% giá trị nghĩa vụ bị vi phạm.
- 7.3** Nếu có tranh chấp xảy ra, cả hai Bên sẽ cùng nhau giải quyết bằng thương lượng trên cơ sở thỏa thuận trong Hợp đồng. Trường hợp vẫn không giải quyết được trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ thời điểm phát sinh tranh chấp thì một trong hai Bên có quyền chuyển tranh chấp đến Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.
- 7.4** Nếu có bất kỳ phần, khoản mục hoặc điều khoản nào của Hợp đồng này bị tuyên bố là bất hợp pháp, vô hiệu, không có hiệu lực thi hành thì các điều khoản còn lại của Hợp đồng vẫn có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành.
- 7.5** Một Bên không được chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ Hợp đồng này cho bất kỳ bên thứ ba nào khi chưa được sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên còn lại.
- 7.6** Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản⁸.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

⁸ Nếu ký điện tử: Xóa bỏ Điều 7.6.